

Số: 186 /GPMT-UBND

Đồng Nai, ngày 19 tháng 12 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường số 28/LK/23 ngày 12 tháng 10 năm 2023; Văn bản số 37/LK/23 ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Công ty TNHH thương mại và đầu tư Lộc Khang về việc chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ cấp Giấy phép môi trường của cơ sở "Đầu tư xây dựng kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN Nhơn Trạch 2 - Lộc Khang" tại thị trấn Hiệp Phước và xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 716/TTr-STNMT ngày 01 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH thương mại và đầu tư Lộc Khang, địa chỉ trụ sở chính: 14 Đường B4, phường An Lợi Đông, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở "Đầu tư xây dựng kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2 - Lộc Khang" tại thị trấn Hiệp Phước và xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Đầu tư xây dựng kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2 - Lộc Khang.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thị trấn Hiệp Phước và xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số doanh nghiệp số 0303237047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 3 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 28 tháng 3 năm 2023.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, mã số chi nhánh 0303237047-001 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 6 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 29 tháng 12 năm 2010.

Giấy chứng nhận đầu tư số 47221000195 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp chứng nhận lần đầu ngày 18 tháng 7 năm 2007.

1.4 Mã số thuế: 0303237047.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh, cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp (đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 10729/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai). Các ngành, nghề được phép thu hút đầu tư vào khu công nghiệp được phân loại theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành nghề kinh tế Việt Nam (trong đó: Điện mặt trời chỉ phục vụ cho nhu cầu điện, năng lượng tại chỗ của doanh nghiệp, không kinh doanh; sản xuất sợi chỉ sử dụng nguyên liệu trong nước), bao gồm:

TT	Ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành kinh tế Việt Nam				
		Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
1	Sản xuất, chế biến thực phẩm (không bao gồm mổ gia súc, gia cầm, không chế biến thủy sản từ nguyên liệu tươi)	C	10			
2	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	C	11			
3	Sản xuất thuốc lá	C	12	120	1200	
4	Dệt (không bao gồm gia công nhuộm)	C	13			
5	Sản xuất trang phục	C	14			
6	Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan (không bao gồm công đoạn thuộc da)	C	15			
7	Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện.	C	16			
8	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	C			1702	
9	In, sao chép bản ghi các loại	C	18			
10	Sản xuất mỹ phẩm	C				20231
11	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	C	21			

TT	Ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành kinh tế Việt Nam				
		Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
12	Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (không bao gồm sơ chế cao su)	C	22			
13	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	C		231		
14	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	C			2392	
15	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	C			2393	
16	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao				2394	
17	Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc thiết bị)	C	25			
18	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	C	26			
19	Sản xuất thiết bị điện	C	27			
20	Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	C	28			
21	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	C	29			
22	Sản xuất phương tiện vận tải khác	C	30			
23	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế, đồ nội thất khác	C	31			
24	Sản xuất đồ kim hoàn, đồ giả kim hoàn và các chi tiết liên quan	C		321		
25	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	C		323		
26	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	C		324		
27	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	C		325		
28	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị và sản phẩm kim loại đúc sẵn	C	33			
29	Điện mặt trời	C			3511	
30	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan; công thông tin	J		361		
31	Cung cấp nước	E	36			
32	Thoát nước và xử lý nước thải	E	37			
33	Bán buôn đồ dùng gia đình	G		464		
34	Hoạt động kinh doanh bất động sản	L	68			
35	Hoạt động thiết kế chuyên dụng (thiết kế trang Web)	M		741		

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Tổng diện tích quy hoạch khu công nghiệp: 69,53 ha, trong đó: diện tích đất xây dựng công trình hạ tầng, đất cây xanh, đất giao thông là

13,08ha; diện tích đất nhà máy xí nghiệp công nghiệp, đất kho tàng, đất khu trung tâm dịch vụ là 56,45ha.

- Quy mô: Cơ sở nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH thương mại và đầu tư Lộc Khang:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH thương mại và đầu tư Lộc Khang có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm (từ ngày 19 tháng 12 năm 2023 đến ngày 19 tháng 12 năm 2030).

Kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực Giấy xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành số 10730/GXN-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2020 và Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 268/GP-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai của cơ sở nêu trên hết hiệu lực

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH thương mại và đầu tư Lộc Khang;
- Q. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Quản lý các Khu công nghiệp;
- UBND huyện Nhơn Trạch;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Phi



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 186/GPMT-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực văn phòng của nhà điều hành Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2 - Lộc Khang.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà máy xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp.
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ quá trình ép bùn của nhà máy xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp.
- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ các doanh nghiệp thứ cấp trong khu công nghiệp Nhơn Trạch 2 - Lộc Khang.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Đường Nguyễn Ái Quốc (đường 25C cũ), chảy ra cống Lò Rèn, chảy ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Thị Vải.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- Tọa độ xả nước thải:

+ Tọa độ đầu nối nước thải vào cống thoát nước đường 25C: $X = 1.184.966$ $Y = 409.749$.

+ Tọa độ cửa xả (điểm đăng ký xả thải): $X = 1.185242$; $Y = 409.677$.

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°):

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $500 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

- Nước thải sau xử lý tự chảy theo đường ống chảy ra đường Nguyễn Ái Quốc (đường 25C cũ), chảy ra cống Lò Rèn, chảy ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Thị Vải.

- Hình thức xả: Xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải - QCVN 40:2011/BTNMT (cột B), $K_q = 1,1$; $K_r = 1,1$; cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	40	03 tháng/lần	Đã lắp đặt (Sở Tài nguyên và Môi trường lắp)
2	pH	-	5,5-9		
3	Amoni (tính theo N)	mg/l	12,1		
4	COD	mg/l	182		
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	121		
6	Độ màu	Pt-Co	150		
7	BOD ₅ (20 $^{\circ}\text{C}$)	mg/l	60		
8	Asen	mg/l	0,12		
9	Thủy ngân	mg/l	0,012		
10	Chì	mg/l	0,60		
11	Cadimi	mg/l	0,12		
12	Crom (VI)	mg/l	0,12		
13	Crom (III)	mg/l	0,21		
14	Đồng	mg/l	2,42		
15	Kẽm	mg/l	3,63		
16	Niken	mg/l	0,60		
17	Mangan	mg/l	1,21		
18	Sắt	mg/l	6,05		
19	Tổng xianua	mg/l	0,12		
20	Tổng phenol	mg/l	0,60		
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	12,1		
22	Sunfua	mg/l	0,605		
23	Florua	mg/l	12,1		
24	Tổng nitơ	mg/l	48,4		
25	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	7,26		
26	Clorua	mg/l	1210		
27	Clo dư	mg/l	2,42		
28	Coliform	MPN/100ml	5000		
29	Hóa chất bảo vệ thực vật Photpho hữu cơ	mg/l	1,21		
30	Hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ	mg/l	0,121		
31	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	00,1		
32	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	1		
33	PCB	mg/l	0,0121		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực văn phòng của nhà điều hành khu công nghiệp Nhơn Trạch 2 - Lộc Khang (tương ứng với nguồn số 01) được qua bể tự hoại 3 ngăn thể tích 15 m^3 sau đó đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp, giai đoạn 1 công suất $500 \text{ m}^3/\text{ngày}$ để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vận hành của trạm xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp (tương ứng nguồn số 02) được xử lý sơ bộ qua 01 bể tự hoại 3 ngăn thể tích 03 m^3 sau đó đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp, giai đoạn 1 công suất $500 \text{ m}^3/\text{ngày}$ để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ quá trình ép bùn của nhà máy xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp (tương ứng nguồn số 03) được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp, giai đoạn 1 công suất $500 \text{ m}^3/\text{ngày}$ để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ các doanh nghiệp thứ cấp trong khu công nghiệp Nhơn Trạch 2 - Lộc Khang (08 hồ ga) với lưu lượng khoảng $382 \text{ m}^3/\text{ngày}$ được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp, giai đoạn 1 công suất $500 \text{ m}^3/\text{ngày}$ để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1 Bể tự hoại của khu công nghiệp Nhơn Trạch 2 - Lộc Khang:

- Vị trí, thể tích các bể tự hoại:

+ 01 bể tự hoại tại khu vệ sinh khu vực văn phòng nhà điều hành khu công nghiệp Nhơn Trạch 2 - Lộc Khang, có thể tích thiết kế 15 m^3 .

+ 01 bể tự hoại tại khu vệ sinh nhà vận hành của trạm xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp, có thể tích thiết kế 03 m^3

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → bể tự hoại 03 ngăn → nhà máy xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp Nhơn Trạch 2 - Lộc Khang giai đoạn 1, công suất $500 \text{ m}^3/\text{ngày}$: nước thải → bể gom → bể chắn rác, tách cát, vớt dầu → bể điều hòa → bể khuấy trộn → bể phản ứng → bể lắng 1 → bể anoxic → bể sinh học hiếu khí → bể lắng 2 → bể chứa trung gian → bể lọc áp lực → bể khử trùng → mương quan trắc tự động → nguồn tiếp nhận (Đường Nguyễn Ái Quốc (đường 25C cũ), chảy ra cống Lò Rèn, chảy ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Thị Vải).

- Công suất thiết kế: $500 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này): PAC: 200 kg/tháng; Polymer Anion: 20 kg/tháng; Javen: 250 kg/tháng; NaOH: 100 kg/tháng; Đường Dextrose: 1.300 kg/tháng.

1.3 Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp Nhơn Trạch 2 - Lộc Khang giai đoạn 1, công suất 500 m³/ngày của Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Lộc Khang thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục (Công ty cam kết thực hiện lắp đặt trạm trong quý 4 năm 2024 theo Văn bản số 09/LK22 ngày 02 tháng 3 năm 2022). Hiện, Sở Tài nguyên và Môi trường đã đầu tư lắp đặt hệ thống quan trắc tự động liên tục để giám sát chất lượng nước thải sau xử lý đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1, công suất 500 m³/ngày.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trang bị đầy đủ hệ thống cảnh báo cháy tại các khu vực nhà điều hành, công trình phụ trợ của khu công nghiệp; thường xuyên tổ chức tập huấn nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy và bố trí lực lượng thường trực sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ.

- Thường xuyên kiểm tra đường hệ thống thu gom, thoát nước thải tránh tình trạng bị tắc nghẽn, rò rỉ; đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống thoát nước; nạo vét hệ thống cống rãnh định kỳ để tăng khả năng thoát nước.

- Thường xuyên giám sát hiệu suất xử lý nước thải của nhà máy xử lý nước thải tập trung để kịp thời phát hiện và xử lý sự cố nhằm hạn chế tới mức tối đa nước thải chưa được xử lý đạt yêu cầu xả ra môi trường.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong nhà máy xử lý nước thải tập trung thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của hệ thống xử lý, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ 02 lần/năm.

- Có phương án thu gom nước về hồ sự cố dung tích chứa 1.484 m³ đảm bảo lưu chứa toàn bộ nước thải trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố. Khi duy tu, bảo dưỡng hệ thống: nước thải được chứa vào hồ sự cố, sau khi khắc phục, nước thải phải được bơm về hệ thống xử lý để tiếp tục xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Nhà máy xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp Nhơn Trạch 2 - Lộc Khang giai đoạn 1, công suất 500 m³/ngày không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm (đã được UBND tỉnh cấp: Giấy xác nhận số 10730/GXN-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2020 và Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 268/GP-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2021).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Khu công nghiệp

bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có biện pháp kiểm soát chất lượng nước thải sau xử lý phải đạt quy chuẩn quy định, tuyệt đối không xả nước thải chưa qua xử lý hoặc không đạt quy chuẩn ra môi trường; công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải, vị trí đầu nối nước thải vào nguồn tiếp nhận; kiểm soát và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải trước và sau xử lý; lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.3. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật, vận hành các công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; thường xuyên theo dõi, kiểm tra độ an toàn, làm việc của thiết bị máy móc; bố trí đầy đủ máy móc, thiết bị dự phòng đảm bảo thay thế khi hệ thống xử lý gặp sự cố. Khi duy tu, bảo dưỡng hệ thống: nước thải được chứa vào hồ sự cố, sau khi khắc phục, nước thải phải được bơm về hệ thống xử lý để tiếp tục xử lý.

3.4. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các bể chứa nước thải đầu vào, đầu ra sau xử lý nhằm kịp thời phát hiện, khắc phục tránh nước thải thấm trực tiếp vào môi trường đất, nước dưới đất.

3.5. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải thường xuyên được nạo vét để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn, tách váng dầu trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

3.6. Theo dõi, kiểm soát hóa chất, vật liệu sử dụng trong vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải của cơ sở.

3.7 Thực hiện lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải theo cam kết của Công ty tại văn bản số 09/LK22 ngày 02 tháng 3 năm 2022. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường; các thiết bị phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; hệ thống phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3.8. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.



Phụ lục 2

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 186/GPMT-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (dự án không phát sinh khí thải tại nguồn, không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Có các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh đảm bảo quy chuẩn môi trường quy định.
2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả khí thải ra môi trường.

11/12/2023



Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 186/GPMT-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Từ Nhà máy xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp Nhơn Trạch 2 - Lộc Khang.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Tiếng ồn phát sinh từ Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2 - Lộc Khang.

- Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn: $X = 1.185.287$; $Y = 409.758$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°):

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Sử dụng đệm cao su chống ồn được lắp đặt tại chân của máy móc thiết bị.

1.2. Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ mòn chi tiết định kỳ.

1.3. Thường xuyên kiểm tra định kỳ, đảm bảo máy thổi khí, máy bơm,... tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp luôn trong tình trạng hoạt động tốt, tra dầu nhớt đầy đủ theo đúng hướng dẫn sử dụng của thiết bị, máy móc.

1.4. Trồng và chăm sóc cây xanh tập trung, cây xanh cách ly xung quanh khu công nghiệp nhằm tạo khoảng cách ly giúp giảm thiểu sự lan truyền tiếng ồn ra môi trường xung quanh theo đúng quy hoạch đã được phê duyệt.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 186 /GPMT-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: 70.590 kg/năm.

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng dự kiến (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	03	NH
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn	17 02 03	01	NH
3	Bao bì mềm thải (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại)	18 01 01	05	KS
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 03	05	KS
5	Giẻ lau, vải thải nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	05	KS
6	Pin, ắc quy thải	19 06 01	01	NH
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp của hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN	12 06 05	70.570	KS
Tổng khối lượng			70.590	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: 15 kg/năm.

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng dự kiến (kg/năm)
1	Hộp mực văn phòng	08 02 08	5
2	Bìa Carton thải	-	10
Tổng khối lượng			15

Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh (trừ chất thải được tái sử dụng, sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu cho hoạt động của dự án (ký hiệu TT-R).

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng dự kiến (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	1,5
Tổng khối lượng		1,5

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. *Thiết bị lưu chứa:* Trang bị thùng nhựa và thùng kim loại có nắp đậy; có dán nhãn cảnh báo nguy hại, mã chất thải nguy hại.

2.1.2. Khu lưu chứa chất thải nguy hại:

- Diện tích khu lưu chứa: 02 khu lưu chứa.

+ 01 khu lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 20 m²

+ 01 khu chứa máy ép bùn và chứa bùn diện tích 105 m².

- Thiết kế, cấu tạo khu lưu chứa: Nền bê tông, mái lợp, có tường bao quanh; có gờ chống tràn, hố thu.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. *Thiết bị lưu chứa:* Trang bị thùng nhựa có nắp đậy, thể tích 150 lít, có dán nhãn.

2.2.2. *Khu lưu chứa trong nhà:*

- Diện tích khu lưu chứa: Diện tích 12 m².

- Thiết kế, cấu tạo khu lưu chứa: Nền bê tông, mái lợp, có tường bao quanh, theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. *Thiết bị lưu chứa:* Thùng nhựa chuyên dụng loại 150 lít có nắp đậy, đặt tại khu vực văn phòng và nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2 - Lộc Khang.

2.3.2. *Khu vực lưu chứa:* Không bố trí khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt.

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khối lượng, phân loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: Có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xéng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn TCVN 6707:2009 về dấu hiệu cảnh báo chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2023 của Chính phủ.



Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 186/GPMT-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

1. Đã hoàn thành xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp giai đoạn 1, công suất thiết kế 500 m³/ngày theo Quyết định số 10729/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư xây dựng kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2 - Lộc Khang” tại huyện Nhơn Trạch của Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Lộc Khang.

2. Các nội dung tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 10729/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai:

- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải giai đoạn 2, công suất thiết kế 800 m³/ngày.

- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải giai đoạn 3, công suất thiết kế 900 m³/ngày.

Ngoài ra, Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Lộc Khang tiếp tục hoàn thiện các hồ sơ pháp lý về đất đai: Liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn thực hiện điều chỉnh quyết định cho thuê đất, phụ lục hợp đồng thuê đất theo đúng cơ cấu sử dụng đất tại Quyết định số 1984/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và đảm bảo tỷ lệ theo quy định.

2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình, bảo đảm các công trình xử lý nước thải hoạt động đúng công suất, hiệu suất xử lý, chất lượng nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật cho phép.

3. Quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo đúng các quy định của pháp luật.

4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.

5. Việc thu hút, sắp xếp, bố trí các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp theo ngành nghề thu hút đầu tư trong khu công nghiệp phải đảm bảo phù hợp theo Quyết

định số 10729/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ.

6. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực phù hợp theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của khu công nghiệp theo quy định của pháp luật; Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho dự án.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Trong quá trình hoạt động nếu cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Ủy ban nhân dân thị trấn Hiệp Phước, Ủy ban nhân dân xã Phú Hội, Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp và các cơ quan có liên; đồng thời thực hiện đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện dự án theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.